

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHẤT LƯỢNG CAO

NGÀNH: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

MÃ SỐ: 7340201

(Ban hành theo Quyết định số 2336/QĐ-ĐHKT ngày 16 tháng 08 năm 2019

của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Tài chính - Ngân hàng

+ Tiếng Anh: Finance and Banking

- Mã số ngành đào tạo: 7340201

- Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân

- Thời gian đào tạo: 4 năm

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng (Chương trình đào tạo chất lượng cao)

+ Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Finance and Banking (Honors Program)

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN.

2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo cử nhân chất lượng cao trong lĩnh vực Tài chính - ngân hàng ở cấp độ nâng cao và chuyên sâu hơn so với CTĐT chuẩn, bao gồm năng lực tác nghiệp, phân tích và hoạch định, ra quyết định cũng như tổ chức thực hiện các dự án, nghiên cứu chính sách về tài chính, ngân hàng tại các ngân hàng thương mại, các tổ chức tài chính phi ngân hàng, các doanh nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có liên quan đến hoạt động tài chính- ngân hàng; có khả năng nghiên cứu và trợ giảng tại các cơ sở nghiên cứu, các cơ

sở giáo dục đại học và cao đẳng; có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc cao hơn tại nước ngoài và các cơ sở đào tạo chất lượng cao ở trong nước trong lĩnh vực Tài chính - ngân hàng và các lĩnh vực liên quan khác.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

- Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi THPT quốc gia.
- Tổ hợp môn thi và phương thức tuyển sinh chính thức sẽ được thực hiện theo văn bản hướng dẫn tuyển sinh hàng năm của ĐHQGHN.

3.2. Dự kiến quy mô tuyển sinh

Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm căn cứ vào tình hình thực tế đào tạo của Trường và chỉ tiêu do ĐHQGHN phê duyệt.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

1.1. Kiến thức chung

- *Kiến thức về lý luận chính trị*
 - Áp dụng hệ thống tri thức khoa học và những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin. Hiểu kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và vận dụng trong công việc cũng như trong cuộc sống.
- *Kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường*
 - Áp dụng những kiến thức đã được học để đảm bảo đúng các quy định của pháp luật trong thực hiện công việc và trong cuộc sống.
 - Tích cực tham gia bảo vệ môi trường góp phần cho việc phát triển kinh tế xã hội theo hướng bền vững.
- *Kiến thức về tin học*
 - Sử dụng thành thạo và khai thác được các tính năng nâng cao của các phần mềm văn phòng thông dụng; khai thác một số dịch vụ cần thiết trên Internet; Khai thác được các kiến thức cơ bản của hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ, các kỹ năng sử dụng một hệ quản trị dữ liệu cụ thể;
 - Biết cách khai thác được các cơ sở dữ liệu của Việt Nam và thế giới.
- *Kiến thức về ngoại ngữ*
 - Tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
 - Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp
 - Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề cụ thể.
 - Áp dụng tiếng Anh học thuật trong công việc.
- *Giáo dục thể chất và quốc phòng an ninh*

- Hiểu nội dung cơ bản về đường lối quân sự và nhiệm vụ công tác quốc phòng – an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới. Vận dụng kiến thức đã học vào điều kiện tác chiến thông thường.

- Áp dụng những kiến thức khoa học cơ bản trong lĩnh vực thể dục thể thao vào quá trình tập luyện và tự rèn luyện, ngăn ngừa các chấn thương để củng cố và tăng cường sức khỏe.

1.2. Kiến thức theo lĩnh vực

- Áp dụng các kiến thức toán cao cấp trong công việc thống kê, xử lý số liệu và các tính toán liên quan đến ngành đào tạo;

- Xây dựng và phân tích được các bài toán kinh tế đơn giản;

- Sử dụng được các phần mềm thống kê cơ bản để phân tích, đánh giá các hiện tượng kinh tế xã hội và áp dụng vào nghiên cứu khoa học.

1.3. Kiến thức theo khối ngành

- Áp dụng được những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật để giải quyết được các vấn đề cụ thể nảy sinh trong các hoạt động kinh tế;

- Áp dụng được những kiến thức cơ bản và nâng cao của kinh tế học vào công việc chuyên môn, nghề nghiệp và giải thích, đánh giá được các vấn đề kinh tế.

- Áp dụng phương pháp thu thập thông tin, phân tích và tổng hợp dữ liệu thống kê kinh tế, phục vụ cho công việc.

- Áp dụng phương pháp toán kinh tế để phân tích, đánh giá và dự báo các hiện tượng kinh tế nói chung và trong lĩnh vực tài chính ngân hàng nói riêng.

- Lựa chọn và vận dụng phương thức quản lý nhóm làm việc hiệu quả.

1.4. Kiến thức theo nhóm ngành

- Áp dụng được những kiến thức cơ bản và nâng cao về Nhà nước và pháp luật vào những hoạt động kinh tế.

- Áp dụng phương pháp nghiên cứu kinh tế cơ bản và nâng cao, bao gồm thu thập, xử lý thông tin và tổng hợp số liệu, dữ liệu.

- Áp dụng được các nguyên lý cơ bản và nâng cao về lý thuyết tiền tệ, hoạt động của hệ thống ngân hàng trung ương, ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng ở

trong một quốc gia và quốc tế ở cấp độ nâng cao và xử lý các bài tập mô phỏng tình huống, trang bị phương pháp phân tích thị trường, hình thành tư duy thực tiễn về vấn đề sử dụng vốn tiền tệ có hiệu quả ở môi trường trong nước và quốc tế thông qua việc học và nghiên cứu bằng tiếng Anh.

- Áp dụng được các nguyên lý cơ bản về kế toán để xử lý các bài tập mô phỏng tình huống, lập và mô tả được các báo cáo tài chính kế toán trong doanh nghiệp; có khả năng vận dụng kiến thức nâng cao vào việc xử lý bài tập tình huống thực tiễn, phân tích, mô tả và lập các báo cáo tài chính kế toán trong doanh nghiệp.

- Áp dụng được các nguyên tắc kế toán vào quá trình kinh doanh chủ yếu của các tổ chức kinh tế nói chung và các loại hình doanh nghiệp đặc thù hoạt động ở môi trường trong nước và quốc tế.

- Áp dụng được các nguyên tắc marketing vào quá trình xúc tiến khách hàng, tìm kiếm thị trường tiếp cận đến cá nhân và doanh nghiệp trong nền kinh tế.

1.5. Kiến thức ngành

- Áp dụng các khái niệm cụ thể có liên quan đến lĩnh vực tài chính, ngân hàng để luận giải các vấn đề lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng.

- Áp dụng kiến thức ngành tài chính-ngân hàng để hình thành các ý tưởng, xây dựng, tổ chức thực hiện và đánh giá các phương án, dự án kinh doanh trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng.

- Áp dụng kiến thức thực tế và thực tập trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng để hội nhập nhanh với môi trường công việc trong tương lai.

- Có khả năng nghiên cứu và tiếp cận đến các tài liệu bắt buộc và tham khảo đạt chuẩn quốc tế bằng tiếng Anh, hỗ trợ việc học tập và nghiên cứu trước mắt cũng như việc đi thực tập thực tế, học tập ở các bậc cao hơn tại các cơ sở giáo dục quốc tế ở trong nước và nước ngoài.

- Có năng lực kiểm chứng các kiến thức được học thông qua các chương trình thực tập, thực tiễn tại doanh nghiệp, ngân hàng, tổ chức tài chính và tổ chức xã hội khác để từ đó tự định hướng được mục tiêu và lộ trình phát triển nghề nghiệp của bản thân.

2. Về kỹ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn

- *Các kỹ năng nghề nghiệp*

- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực TCNH, có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền;

- Có năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn hoạt động trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng; bước đầu hình thành năng lực phát triển nghề nghiệp.

- *Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề*

- Có khả năng lập luận, phân tích ***nâng cao và chuyên sâu*** các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực TCNH, bao gồm phân tích, đánh giá các xu hướng quốc tế hóa hoạt động ngân hàng và thị trường tài chính, tái cấu trúc hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng ở Việt Nam, quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng, hoạt động của thị trường chứng khoán và thị trường bất động sản, và những vấn đề kinh điển trong kinh doanh ngân hàng như nợ xấu, thẩm định khách hàng mang tính cần trọng, hoạt động mua lại và sáp nhập ngân hàng hướng tới an toàn và lành mạnh tài chính trên cơ sở áp dụng hiệu quả các thông lệ tiên tiến của thế giới, tạo nguồn vốn đầu tư cho khu vực doanh nghiệp, quản lý tài chính trong doanh nghiệp v.v... và đưa ra những hướng giải quyết cụ thể vào các tình huống khá phức tạp và đa dạng của thực tiễn.

- Có khả năng vận dụng qui trình lập kế hoạch, sắp xếp công việc, quản lý thời gian và nguồn lực;

- Biết tìm kiếm, cập nhật, tổng hợp, khai thác thông tin trong lĩnh vực tài chính ngân hàng;

- Đọc hiểu tài liệu tiếng Anh chuyên ngành; trình bày được bằng tiếng Anh các vấn đề trong công việc.

- *Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức*
 - Có kỹ năng nghiên cứu, phát hiện và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực TCNH như: nghiên cứu, dự báo sự vận động của hoạt động ngân hàng và thị trường tài chính, tiềm lực tài chính và khả năng quản lý tài chính của khu vực doanh nghiệp trong tương lai và tác động của sự phát triển đó tới hệ thống tài chính nói riêng và nền kinh tế quốc dân nói chung v.v...
- *Khả năng tư duy theo hệ thống*
 - Có khả năng lập luận, tư duy một cách sáng tạo theo hệ thống, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực TCNH.
- *Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh*
 - Có thể nhận thức được bối cảnh xã hội, ngoại cảnh để áp dụng vào các hoạt động trong lĩnh vực TCNH.
- *Bối cảnh tổ chức*
 - Có thể nhận thức được bối cảnh tổ chức để áp dụng vào các hoạt động trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng;
 - Biết nắm bắt văn hóa tổ chức nơi công tác;
 - Biết nắm bắt chiến lược, mục tiêu và kế hoạch phát triển của tổ chức.
- *Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn*
 - Có sáng tạo trong quá trình thực hiện công việc cụ thể, tích lũy kinh nghiệm để có thể đảm đương những công việc ở những vị trí khác nhau trong tổ chức.
 - Biết đề xuất các phương pháp mới đưa lại lợi ích cho tổ chức, cộng đồng, xã hội.
- *Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp*
 - Có năng lực sáng tạo và *đáp ứng nhanh yêu cầu của thực tiễn* trong quá trình thực hiện công việc cụ thể, tích lũy kinh nghiệm để có thể đảm đương những công việc ở những vị trí khác nhau trong tổ chức.
 - Đề xuất các phương pháp mới đưa lại lợi ích cho tổ chức, cộng đồng, xã hội.

2.2. Kỹ năng bổ trợ

- *Các kỹ năng cá nhân*

- Có khả năng làm việc độc lập; tự học hỏi và tìm tòi, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý công việc của bản thân; *định hướng mục tiêu phát triển của bản thân.*

- Có tư duy sáng tạo, duy phản biện, biết đề xuất sáng kiến.

- *Làm việc theo nhóm*

- Hình thành, vận hành, phát triển và lãnh đạo nhóm làm việc hiệu quả

- Biết hợp tác với các thành viên khác trong nhóm;

- Biết cách chia sẻ thông tin và điều hoà các mối quan hệ trong nhóm trong nhóm.

- Có kỹ năng làm việc trong các nhóm khác nhau.

- *Quản lý và lãnh đạo*

- Kỹ năng quản lý và lãnh đạo được hình thành trong quá trình học tập thông qua các phương pháp học tập tích cực và làm việc theo nhóm. Bao gồm: Kỹ năng quản lý thời gian, nguồn lực; kỹ năng xây dựng và thực hiện quy trình tổ chức sự kiện.

- *Kỹ năng giao tiếp*

- Biết cách lập luận, sắp xếp ý tưởng;

- Có kỹ năng giao tiếp tốt (kỹ năng thuyết trình và chuyên giao kiến thức dưới dạng nói và văn bản; kỹ năng giao dịch qua điện thoại, e-mail).

- Biết cách huy động các nguồn tài trợ cho dự án, sự kiện.

- *Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ*

- Giao tiếp tốt được bằng tiếng Anh, có thể hiểu được của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành tài chính ngân hàng có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn;

- Trình độ tương đương bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- *Các kỹ năng bổ trợ khác*

- Đương đầu với thách thức, rủi ro.

- Thích nghi đa văn hóa.

- Sử dụng thành thạo Microsoft Office (Word, Excel, Power Point) và phần mềm thống kê (SPSS, EViews...) trong công việc. Sử dụng thành thạo Internet và các thiết bị văn phòng.

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, tự chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm:

- + Hình thành, vận hành, phát triển và lãnh đạo nhóm làm việc hiệu quả
- + Biết hợp tác với các thành viên khác trong nhóm;
- + Biết cách chia sẻ thông tin và điều hoà các mối quan hệ trong nhóm trong nhóm.
- + Có kỹ năng làm việc trong các nhóm khác nhau.
- + Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.

- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định

- Tự định hướng, chủ động lên kế hoạch cho nghề nghiệp của mình, chủ động khám phá kiến thức và cập nhật thông tin liên quan đến nghề nghiệp.

- Có khả năng đưa ra kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp nảy sinh trong thực tiễn trong lĩnh vực TCNH và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân của mình.

- Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo trong lĩnh vực tài chính ngân hàng; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

4. Về phẩm chất đạo đức

- *Phẩm chất đạo đức cá nhân*

- Có phẩm chất đạo đức cá nhân như: Tự tin, linh hoạt, đương đầu với rủi ro, nhiệt tình, có tinh thần tự tôn...

- *Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp*

- Có các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp như: trung thực, có trách nhiệm, chủ động lên kế hoạch cho nghề nghiệp của mình, chủ động khám phá kiến thức và cập nhật thông tin liên quan đến nghề nghiệp.

- Có khả năng thích nghi với môi trường công tác.

- *Phẩm chất đạo đức xã hội*

- Tôn trọng pháp luật, làm việc với tinh thần kỷ luật cao.

- Có lối sống tích cực và có tinh thần hướng về cộng đồng.

5. Vị trí việc làm mà sinh viên TCNH CLC có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

Khoa TCNH, Trường ĐH Kinh tế - ĐHQGHN hướng tới đào tạo các chuyên gia tài chính ngân hàng ứng dụng - *Professional Financiers and Bankers* để đảm nhận các vị trí công việc chuyên môn tại các doanh nghiệp, ngân hàng và các tổ chức tài chính – xã hội khác. Với những kiến thức cơ bản và nâng cao về chuyên ngành được đào tạo, các sinh viên tốt nghiệp chương trình cử nhân TCNH CLC của Trường ĐH Kinh tế - ĐHQGHN có thể đảm nhận được những vị trí công việc như sau:

- **Nhóm 1:** Các chuyên viên tài chính, cán bộ tín dụng, cán bộ phân tích tài chính và có thể cân nhắc làm trưởng nhóm làm việc tại các ngân hàng, các doanh nghiệp, công ty chứng khoán, công ty tài chính, quỹ đầu tư, các định chế tài chính khác ở trong và ngoài nước; có định hướng phát triển thành cán bộ quản lý trong tương lai.

- **Nhóm 2:** Cán bộ, chuyên viên tài chính ngân hàng tại các cơ quan quản lý Nhà nước trong lĩnh vực tài chính ngân hàng như Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban giám sát Tài chính, Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Vụ chính sách tiền tệ trực thuộc các Bộ, và các cơ quan trực thuộc Chính phủ và các Ban ngành khác; có định hướng phát triển thành cán bộ quản lý trong tương lai.

- **Nhóm 3:** Các chuyên viên, cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy về tài chính ngân hàng làm việc tại các cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu hoặc các tổ chức khác; có định hướng phát triển thành cán bộ quản lý trong tương lai.

6. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Với những kiến thức cơ bản và chuyên sâu được tích lũy từ trong quá trình học, tân cử nhân tài chính ngân hàng CLC có khả năng tự đọc, tự tra cứu và tiếp cận đến hệ thống tài liệu văn bản, giáo trình, sách chuyên khảo, bài báo khoa học để nâng cao kiến thức chuyên sâu phục vụ cho vị trí công việc cụ thể mà mỗi sinh viên đảm nhận tại đơn vị được tuyển dụng.

Với kỹ năng và phẩm chất được trau dồi trong quá trình đào tạo tại Nhà trường, tân cử nhân TCNH CLC tiếp tục trau dồi thêm kỹ năng ở môi trường làm việc.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín của chương trình đào tạo: 142 tín chỉ

- Khối kiến thức chung:

(không tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng-an ninh):

- Khối kiến thức theo lĩnh vực: 13 tín chỉ

- Khối kiến thức theo khối ngành 16 tín chỉ

- *Bắt buộc: 14 tín chỉ*

- *Tự chọn: 2 tín chỉ/6 tín chỉ*

- Khối kiến thức theo nhóm ngành: 20 tín chỉ

- *Bắt buộc: 14 tín chỉ*

- *Tự chọn: 6 tín chỉ/12 tín chỉ*

- Khối kiến thức ngành: 72 tín chỉ

- *Bắt buộc: 35 tín chỉ*

- *Tự chọn: 18 tín chỉ/60 tín chỉ*

- *Thực tập thực tế và niên luận: 12 tín chỉ*

- *Khóa luận tốt nghiệp: 7 tín chỉ*

Trong số 108 tín chỉ thuộc kiến thức khối ngành, nhóm ngành và ngành, có 26 tín chỉ bắt buộc học bằng tiếng Anh (chưa tính Khóa luận tốt nghiệp), chiếm 24%.

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung (Không tính các học phần 8-9)	21				
1	PHI1006	Triết học Mác – Lênin <i>Philosophy of Marxism - Leninism</i>	3	30	15	0	
2	PEC1008	Kinh tế Chính trị Mác – Lênin <i>Political economy of Marx – Lenin</i>	2	20	10	0	PHI1006
3	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Science socialism</i>	2	30	10	0	
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	20	10	0	
5	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of the communist Party of Vietnam</i>	2	20	10	0	
6	FLF1107	Tiếng Anh B1 <i>English B1</i>	5	20	35	20	
7	FLF1108	Tiếng Anh B2 <i>English B2</i>	5	20	35	20	FLF1107
8		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	4				
9		Giáo dục quốc phòng-an ninh <i>National Defense Education</i>	8				
II		Khối kiến thức theo lĩnh vực	13				
10	MAT1092	Toán cao cấp <i>Advanced Mathematics</i>	4	42	18	0	
11	MAT1101	Xác suất thống kê <i>Probability and Statistics</i>	3	27	18	0	MAT1092

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
12	MAT1005	Toán kinh tế <i>Mathematics for Economists</i>	3	27	18	0	BSA1053
13	INT1004	Tin học cơ sở 2 <i>Introduction to Informatics 2</i>	3	17	28	0	
III		Khối kiến thức theo khối ngành	16				
III.1		Các học phần bắt buộc	14				
14	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương <i>Introduction to Government and Law</i>	2	23	5	2	
15	INE1050	Kinh tế vi mô <i>Microeconomics</i>	3	30	15	0	
16	INE1051	Kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomics</i>	3	30	15	0	INE1050
17	BSA1053	Nguyên lý thống kê kinh tế <i>Principles of economic Statistics</i>	3	30	15	0	MAT1101
18	INE1052	Kinh tế lượng <i>Econometrics</i>	3	25	16	4	INT1004 INE1051 BSA1053
III.2		Các học phần tự chọn	2/6				
19	HIS1055	Lịch sử văn minh thế giới <i>World Civilization History</i>	2	22	7	1	
20	SOC1050	Xã hội học đại cương <i>Introductory Sociology</i>	2	15	12	3	
21	PHI1051	Lôgic học <i>Logics</i>	2	20	6	4	
IV		Khối kiến thức theo nhóm ngành	20				
IV.1		Các học phần bắt buộc	14				
22	BSL2050	Luật kinh tế <i>Business Law</i>	2	15	13	2	THL1057
23	INE1016	Phương pháp nghiên cứu kinh tế <i>Economic Research Methodology</i>	3	30	15	0	INE1051

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
24	FIB2001	Kinh tế tiền tệ - ngân hàng* <i>Monetary and Banking Economics</i>	3	30	15	0	INE1051
25	BSA2001	Nguyên lý kế toán* <i>Principles of Accounting</i>	3	27	18	0	
26	BSA2002	Nguyên lý Marketing <i>Principles of Marketing</i>	3	21	23	1	
IV.2		Các học phần tự chọn	6/12				
27	BSA4010	Văn hóa và đạo đức kinh doanh <i>Corporate Responsibility and Business Ethics</i>	3	35	10	0	
28	INE2020	Kinh tế quốc tế <i>International Economics</i>	3	32	13	0	INE1051
29	INE2003	Kinh tế phát triển <i>Development Economics</i>	3	29	16	0	INE1051
30	BSA2004	Quản trị học <i>Principles of Business Administration</i>	3	35	10	0	
V		Khối kiến thức ngành	72				
V.1		Các học phần bắt buộc	35				
31	FIB2003	Các thị trường và định chế tài chính <i>Financial Markets and Institutions</i>	3	20	25	0	INE1051
31	FIB3015	Phân tích tài chính <i>Financial Analysis</i>	3	24	21	0	BSA2018
32	FIB3004	Quản lý đầu tư <i>Portfolio Investment</i>	3	30	15	0	BSA2018
33	BSA2018	Tài chính doanh nghiệp <i>Corporate Finance</i>	3	25	20	0	BSA2001
34	INE3003	Tài chính quốc tế <i>International Finance</i>	3	27	15	3	INE 1051
35	FIB3111	Tài chính công <i>Public Finance</i>	3	30	15	0	INE 1051

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
36	BSA3103	Thẩm định tài chính dự án <i>Financial Appraisal for Projects</i>	3	30	15	0	BSA2018
37	FIB3062	Quản lý ngân hàng điện tử*** <i>E-banking Management</i>	2	20	10	0	FIB2001
38	FIB2005	Quản trị ngân hàng thương mại <i>Commercial Bank Management</i>	3	30	15	0	FIB2001
39	FIB3024	Tín dụng ngân hàng <i>Bank Credit</i>	3	30	15	0	FIB 2001
40	FIB3029	Ngân hàng quốc tế <i>International Banks</i>	3	30	15	0	FIB2001
41	FIB3113	Ngân hàng Trung ương và Chính sách tiền tệ <i>Central Bank and Monetary Policy</i>	3	30	15	0	FIB2001
V.2		Các học phần tự chọn	18/60				
42	FIB3061	Tài chính vi mô*** <i>Microfinance</i>	3	35	10	0	FIB2001
43	FIB2012	Pháp luật tài chính ngân hàng <i>Legal Documents and Laws in Finance and Banking</i>	3	30	15	0	THL1057
44	FIB 3037	Kế toán ngân hàng thương mại <i>Accounting in Banks</i>	3	30	15	0	BSA2001 FIB2001
45	FIB3112	Nghiệp vụ ngân hàng đầu tư <i>Investment Banking</i>	3	30	15	0	FIB2005
46	FIB3012	Quản lý, kinh doanh vốn và ngoại tệ*** <i>Treasury Management</i>	3	30	15	0	FIB2005
47	BSA3029	Marketing ngân hàng <i>Marketing in Banks</i>	3	20	25	0	BSA2002
48	FIB3114	Tài chính cá nhân căn bản <i>Basic Personal Finance</i>	3	30	15	0	
49	BSA3030	Tài chính doanh nghiệp chuyên sâu <i>Specialized Corporate Finance</i>	3	30	15	0	BSA2018

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
50	FIB3049	Phương pháp định lượng ứng dụng trong tài chính <i>Applied Quantitative Methods in Finance</i>	3	25	20	0	BSA2018
51	FIB3010	Định giá doanh nghiệp <i>Corporate Valuation</i>	3	30	15	0	BSA2018
52	FIB2036	Quản trị rủi ro <i>Risk Management</i>	3	30	15	0	BSA 2018
53	INE3106	Thanh toán quốc tế <i>International Payment</i>	3	30	15	0	INE1051
54	INE3066	Quản trị tài chính quốc tế <i>International Finance Management</i>	3	30	15	0	INE1051
55	FIB2038	Tài chính trong mua bán và sáp nhập doanh nghiệp <i>The Finance of Buyouts and Acquisitions</i>	3	30	15	0	BSA2018
56	FIB2015	Thuế <i>Tax</i>	3	30	15	0	INE1050
57	BSA3009	Kiểm toán căn bản <i>Basic Auditing</i>	3	30	15	0	BSA2001
58	BSA2019	Kế toán tài chính <i>Financial Accounting</i>	3	30	10	5	BSA2001
59	BSA2006	Quản trị nguồn nhân lực <i>Human Resources Management</i>	3	27	15	3	
60	BSA3007	Kế toán quản trị <i>Managerial Accounting</i>	3	30	15	0	BSA2001
61	FIB3063	Quản trị dòng tiền*** <i>Cash Management</i>	3	30	10	5	BSA2018
V.3		Thực tập thực tế và niên luận	12				
62	FIB4154	Kiến tập*** <i>Pre-Internship</i>	2	0	30	0	

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
63	FIB4152	Thực tập thực tế 1 ** <i>Internship 1</i>	3	0	45	0	FIB4154
64	FIB4153	Thực tập thực tế 2** <i>Internship 2</i>	3	0	45	0	FIB4152
65	INE4059	Niên luận** <i>Essay</i>	4	0	60	0	
V.4		Khóa luận tốt nghiệp	7				
66	FIB4151	Khóa luận tốt nghiệp** Thesis	7	0	105	0	
		Cộng	142				

Ghi chú: Học phần Tiếng Anh là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy.

(*): Học phần có cùng tên học phần, cùng số tín chỉ nhưng nội dung và chuẩn đầu ra nâng cao so với chương trình đào tạo chuẩn;

(**): Học phần có cùng tên học phần nhưng tăng số tín chỉ, nội dung và chuẩn đầu ra nâng cao so với chương trình đào tạo chuẩn;

(***): Học phần mới nhằm đạt chuẩn đầu ra cao hơn của CTĐT;

Các học phần được in đậm, nghiêng: Học phần giảng dạy bằng tiếng Anh.

Khuyến khích sinh viên thực hiện khóa luận bằng tiếng Anh.